

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC TẾ SAO VIỆT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU QUỐC TẾ SAO VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SAO VIET TRADING IMPORT AND EXPORT INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108548539

3. Ngày thành lập: 13/12/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 2, Ngõ 3 Đặng Văn Ngữ, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0914969698

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bán buôn ô tô	4511
5.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
6.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới mua bán hàng hóa (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
7.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
8.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
9.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
10.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
11.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
12.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
13.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
14.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071

15.	Sản xuất đường	1072
16.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
17.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
18.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
19.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
20.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
21.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
22.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
25.	Bán buôn tổng hợp	4690
26.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Sàn giao dịch thương mại điện tử	4791
27.	Bán buôn thực phẩm	4632
28.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
29.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng ô tô: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng ô tô;	4932
30.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
31.	Bốc xếp hàng hóa	5224
32.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Hoạt động của các điểm truy cập internet	6190
33.	Sản xuất sợi	1311
34.	Bưu chính	5310
35.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

36.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
37.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
38.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư;	6619
39.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
40.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
41.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê ô tô.	7710
42.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
43.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
44.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
45.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
46.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động việc làm	7810
47.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
48.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
49.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
50.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
51.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
52.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
53.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
54.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài	7830
55.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
56.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641(Chính)
57.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

58.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
59.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
60.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
61.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
62.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức và điều hành các sự kiện (trừ hợp báo)	8230
63.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
64.	Giáo dục nhà trẻ	8511
65.	Giáo dục mẫu giáo	8512
66.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
67.	Giáo dục tiểu học	8521
68.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
69.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
70.	Đào tạo sơ cấp	8531
71.	Đào tạo trung cấp	8532
72.	Đào tạo cao đẳng	8533
73.	Đào tạo đại học	8541
74.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
75.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
76.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; - Dạy máy tính	8559
77.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
78.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn du học	8560
79.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
80.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
81.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
82.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

83.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
84.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
85.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
86.	Xây dựng nhà để ở	4101
87.	Xây dựng nhà không để ở	4102
88.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
89.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
90.	Xây dựng công trình điện	4221
91.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
92.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
93.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
94.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
95.	Phá dỡ	4311
96.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
97.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	Số 69A Tổ 42C, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	012050183	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		
2	NGUYỄN THỊ THU HIÊN	Số 2, Ngõ 3 Đặng Văn Ngữ, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	013051401	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		
3	PHẠM THỊ TỐ ANH	Tổ 28, Phường Thịnh Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	013165370	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		

4	NGUYỄN PHƯƠNG TRANG	Thôn An Phú, Xã Sơn Phú, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	C0527962	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		
5	HOÀNG THỊ VUI	402-B7 Tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	20,000	013322974	
			Tổng số	20.000	200.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG THỊ VUI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 27/02/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 013322974

Ngày cấp: 03/07/2010 Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 402-B7 Tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 402-B7 Tập thể Thanh Xuân Bắc, Phường Thanh Xuân Bắc, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội